



Thứ ba, ngày 27 tháng 3 năm 2018

Vietnam Daily Review

Rung lắc tại đỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/3/2018		•	
Tuần 26/3-30/3/2018		•	
Tháng 3/2018		•	

Điểm nhấn

- Thị trường tiếp tục có phiên giao dịch tích cực nhờ vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Tuy nhiên, sự phân hóa lan rộng khiến thị trường giao dịch giằng co về cuối phiên.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+2.39 điểm), VRE (+1.18 điểm), NVL (+ 1.01 điểm), VJC (+0.68 điểm) và HDB (+0.40 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-1.96 điểm), VCB (-1.19 điểm), BID (-1.00 điểm), VIC (-0.77 điểm) và PLX (-0.47 điểm).
- Nhóm cổ phiếu Bluechips là tâm điểm thị trường với VNM, VJC, VRE. Nhóm cổ phiếu Dầu khí tiếp tục điều chỉnh trong khi các cổ phiếu Hàng không và thủy sản tăng tốt hỗ trợ chỉ số.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 5,605 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 17.84 điểm. Thị trường có 133 mã tăng và 156 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 0.51 điểm, đóng cửa tại 1,171.73 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index giảm 0.38 điểm xuống 133.29 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 379.15 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (175.3 tỷ), VCB (29.2) và BID (24.5 tỷ). Bên cạnh đó, họ bán ròng 56.74 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Tâm lý tích cực tiếp tục đẩy thị trường xanh nhẹ khi căng thẳng trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung hạ nhiệt. Động lực tăng điểm chính vẫn đến từ nhóm Bluechips. Các cổ phiếu VJC, MSN, PNJ đều đang bút phá tìm đỉnh mới. Các nhóm cổ phiếu còn lại ở trong trạng thái phân hóa mạnh với số mã giảm điểm áp đảo. Như chúng tôi đã nhận định, áp lực bán vùng đỉnh sẽ tiếp tục khiến thị trường rung lắc. Bên cạnh đó, phiên giao dịch ngày mai, động thái chốt lời lượng cổ phiếu bắt đáy từ phiên điều chỉnh cuối tuần trước có thể khiến lực bán gia tăng.

Phân tích kỹ thuật: TDC_Thử thách ngưỡng kháng cự

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX

1171.73

Giá trị: 5604.76 tỷ

0.51 (0.04%)

Khối ngoại (ròng): -379.15 tỷ

HNX-INDEX

133.29

Giá trị: 1169.32 tỷ

-0.38 (-0.28%)

Khối ngoại (ròng): -56.74 tỷ

UPCOM-INDEX

60.27

Giá trị: 281.4 tỷ

0.24 (0.4%)

Khối ngoại(ròng): 18.6 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	65.8	0.41%
Giá vàng	1,349	-0.30%
Tỷ giá USD/VND	22,814	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	28,230	-0.20%
Tỷ giá JPY/VND	21,586	-0.19%
LS liên NH 1 tháng	1.7%	-
LS TPCP 5 năm	3.1%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	32.10	VNM	175.28
AAA	12.98	VCB	29.15
MSN	6.64	BID	24.81
VJC	6.27	CTD	21.45
VRE	5.87	ROS	13.50

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

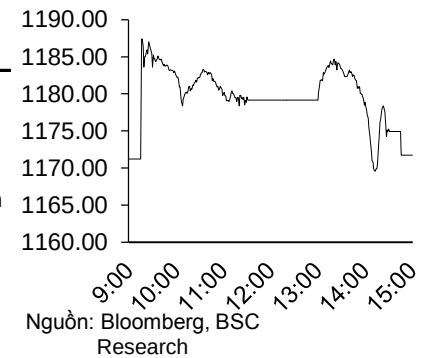
anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
TDC	0.3	9.3	9	10	MUA	Tăng giá kéo dài
VPB	10.1	64.9	49	67	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
HBC	1.9	42.5	41	47	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CTG	12.1	35.8	34	37	BÁN	Tín hiệu BÁN cùng Thanh khoản giảm
CTI	0.7	34.7	33	36	NGỪNG MUA	Giảm giá ngắn hạn
EIB	0.8	14.0	5	16	BÁN	Giảm giá trung hạn
VNM	15.5	213.0	187	215	MUA	Tăng giá kéo dài
QCG	0.6	13.5	13	15	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
PVT	0.7	20.0	20	21	BÁN	Tín hiệu BÁN cùng Thanh khoản giảm
SHS	1.6	23.5	22	25	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài

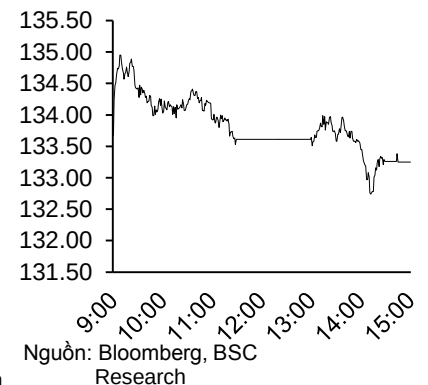
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

Mã chứng khoán: TDC_Thử thách ngưỡng kháng cự

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tăng giá dài hạn
- Chỉ báo MACD: tăng, phân kỳ bên trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: tăng, chưa vào vùng quá mua
- Chỉ báo OBV: tăng, tạo đỉnh mới

Nhận định: Sau một đợt điều chỉnh mạnh ngắn hạn, giá cổ phiếu TDC quay lại đà tăng và tiếp cận ngưỡng kháng cự 9.4 với thanh khoản tăng. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy khả năng tiếp tục tăng giá cổ phiếu trong thời gian tới.

Khuyến nghị: Nếu giá cổ phiếu chinh phục được ngưỡng kháng cự với thanh khoản tốt, thì TDC sẽ tiếp tục xu hướng tăng giá với giá mục tiêu 10.2. Trong trường hợp không chinh phục được ngưỡng kháng cự, cổ phiếu sẽ quay trở lại nhịp điều chỉnh với ngưỡng hỗ trợ gần nhất 8.8.



Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1804	1146.9	0.6%	5.5%
VN30F1805	1154.1	0.2%	-16.0%
VN30F1806	1160.1	0.0%	11.1%
VN30F1809	1181.0	0.6%	25.3%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	213	2.2	2.2
NVL	65	7.0	2.2
VJC	222	1.9	1.8
HPG	59	0.9	0.9
ROS	144	1.4	0.5

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
CII	31	-2.6	-0.3
CTD	158	-2.2	-0.2
GAS	127	-2.2	-0.5
BID	44	-1.8	-0.3
DPM	22	-1.3	-0.1

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	SCR	23/2/2018	12.15	12.55	3.3%	11.0	15.0
2	HBC	3/5/2018	42.80	42.45	-0.8%	37.0	47.9
3	DIG	14/3/2018	27.60	27.05	-2.0%	26.0	34.0
4	DXG	19/3/2018	38.40	37.50	-2.3%	36.0	43.0
Trung bình					-0.5%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	35.80	159.4%	20.3	24.0
2	HPG	28/10/2016	25.5	59.40	133.2%	36.4	44.9
3	CSV	24/7/2017	33.1	41.80	26.3%	30.5	39.0
4	HCM	18/09/2017	41.9	77.00	83.8%	38.0	48.0
5	PDR	2/3/2018	37.4	39.55	5.9%	34.0	45.0
Trung bình					81.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	20.0	80.2%	10.3	16.1
2	CTI	29/07/2017	29.7	34.7	16.8%	27.6	34.2
3	ACB	2/2/2018	41.5	47.5	14.5%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	82.0	-1.2%	75.0	114.0
Trung bình					27.6%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.0	-0.9%	0.7	1,622	1.7	7,166	15.9	6.1	49.0%	45.3%
PNJ	Bán lẻ	188.5	1.7%	0.8	898	2.2	6,727	28.0	6.9	49.0%	32.6%
BVH	Bảo hiểm	93.0	0.0%	1.5	2,788	3.2	2,246	41.4	4.5	25.2%	10.7%
PVI	Bảo hiểm	41.0	-2.4%	0.7	402	5.3	2,114	19.4	1.4	43.9%	7.1%
VIC	Bất động sản	113.0	-0.7%	1.3	13,130	15.9	2,373	47.6	8.9	10.7%	15.8%
VRE	Bất động sản	50.3	3.5%	1.2	4,213	3.6	1,061	47.4	3.7	32.8%	9.0%
NVL	Bất động sản	65.0	7.0%	0.4	2,448	4.0	2,534	25.7	4.2	5.3%	18.7%
REE	Bất động sản	38.0	0.8%	1.0	519	1.3	4,442	8.6	1.5	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	37.5	-2.2%	1.1	500	3.8	2,494	15.0	3.0	41.5%	21.3%
SSI	Chứng khoán	40.0	-0.5%	1.3	881	10.1	2,372	16.9	2.3	52.7%	14.9%
VCI	Chứng khoán	105.0	-2.3%	0.6	555	0.2	5,527	19.0	9.0	39.8%	31.9%
HCM	Chứng khoán	77.0	-2.5%	1.0	440	1.4	4,280	18.0	3.8	58.8%	17.8%
FPT	Công nghệ	59.5	0.5%	0.8	1,392	2.6	5,532	10.8	2.8	49.0%	28.0%
FOX	Công nghệ	77.0	-0.6%	0.2	511	0.1	5,180	14.9	3.8	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	126.8	-2.2%	1.6	10,691	4.9	4,916	25.8	5.9	3.5%	23.8%
PLX	Dầu khí	82.0	-1.2%	1.4	4,186	4.6	3,012	27.2	4.7	12.1%	17.2%
PVS	Dầu khí	21.6	-8.9%	1.9	425	14.9	1,793	12.0	0.9	18.0%	7.6%
PVD	Dầu khí	19.4	-6.5%	1.8	327	2.8	0	419.1	0.6	24.3%	0.2%
DHG	Dược	115.5	-1.3%	0.4	665	2.0	4,367	26.4	5.5	46.0%	20.5%
TRA	Dược	105.0	-0.8%	0.0	192	0.0	5,811	18.1	4.2	48.8%	24.6%
DPM	Hóa chất	22.1	-1.3%	0.9	381	0.9	1,532	14.4	1.1	22.9%	8.7%
DCM	Hóa chất	12.4	-1.2%	0.5	288	0.2	1,077	11.5	1.1	3.7%	9.6%
VCB	Ngân hàng	71.0	-1.3%	1.5	11,253	7.3	2,525	28.1	4.7	20.6%	17.8%
BID	Ngân hàng	44.1	-1.8%	1.3	6,642	5.9	2,019	21.8	3.3	2.7%	15.6%
CTG	Ngân hàng	35.8	0.0%	1.5	5,872	12.1	1,996	17.9	2.1	30.0%	12.0%
VPB	Ngân hàng	64.9	0.9%	0.7	4,281	10.1	4,564	14.2	3.3	23.5%	26.9%
MBB	Ngân hàng	35.8	0.0%	1.0	2,863	7.8	1,955	18.3	2.3	20.0%	13.2%
ACB	Ngân hàng	47.5	0.4%	0.8	2,269	7.0	1,953	24.3	3.2	30.0%	14.1%
BMP	Nhựa	73.0	-0.8%	0.9	263	1.1	5,757	12.7	2.4	71.5%	18.3%
NTP	Nhựa	62.0	-1.7%	0.4	244	0.0	5,519	11.2	2.7	23.1%	25.1%
MSR	Tài nguyên	30.5	0.0%	1.4	967	0.1	286	106.6	1.9	2.1%	1.0%
HPG	Thép	59.4	0.8%	0.9	3,969	15.1	5,540	10.7	2.8	39.6%	30.8%
HSG	Thép	22.9	0.9%	1.0	353	1.8	3,523	6.5	1.6	25.7%	28.8%
VNM	Tiêu dùng	213.0	2.2%	0.7	13,618	15.5	6,356	33.5	13.2	59.5%	40.5%
SAB	Tiêu dùng	244.0	-0.1%	0.9	6,893	0.9	7,350	33.2	11.4	9.6%	38.6%
MSN	Tiêu dùng	109.0	-0.1%	1.0	5,030	4.7	2,877	37.9	7.7	32.4%	20.6%
SBT	Tiêu dùng	17.4	-1.1%	1.1	427	2.3	1,245	14.0	1.4	9.1%	7.6%
ACV	Vận tải	96.8	5.8%	0.8	9,284	0.9	2,208	43.8	8.7	3.5%	21.8%
VJC	Vận tải	222.0	1.9%	0.8	4,414	7.6	6,233	35.6	20.6	26.3%	68.7%
HVN	Vận tải	48.1	2.1%	1.8	2,601	1.7	1,938	24.8	3.5	8.9%	14.6%
GMD	Vận tải	30.7	2.3%	0.8	390	1.5	1,946	15.8	1.4	20.4%	8.1%
PVT	Vận tải	20.0	-1.5%	1.0	248	0.7	1,500	13.3	1.5	33.5%	11.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	247.8	0.7%	0.7	873	1.0	13,660	18.1	8.3	2.5%	58.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	24.6	-1.6%	1.0	486	1.4	1,779	13.8	1.8	34.5%	12.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-0.7%	0.8	255	0.3	1,238	12.3	1.2	6.9%	10.0%
CTD	Xây dựng	158.0	-2.2%	0.2	545	3.2	20,436	7.7	1.7	43.3%	23.2%
VCG	Xây dựng	24.0	0.8%	1.7	467	1.5	3,197	7.5	1.7	9.6%	23.0%
CII	Xây dựng	30.6	-2.5%	0.6	332	1.1	6,012	5.1	1.5	66.9%	35.8%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	213.00	2.16	2.40	1.66MLN
VRE	50.30	3.50	1.19	1.63MLN
NVL	65.00	6.97	1.02	1.44MLN
VJC	222.00	1.88	0.68	785100.00
HDB	44.80	2.52	0.40	4.51MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	126.80	-2.16	-1.97	854590.00
VCB	71.00	-1.25	-1.19	2.32MLN
BID	44.10	-1.78	-1.01	2.94MLN
VIC	113.00	-0.70	-0.78	3.15MLN
PLX	82.00	-1.20	-0.48	1.27MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	10.70	7.00	0.01	4980.00
PJT	13.00	7.00	0.01	6800.00
FLC	6.58	6.99	0.11	37.20MLN
NVL	65.00	6.97	1.02	1.44MLN
APC	37.70	6.95	0.01	850400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	23.25	-7.00	-0.03	80
MCG	3.06	-6.99	-0.01	15330
NVT	6.12	-6.99	-0.02	484030
HU1	8.84	-6.95	0.00	53710
HTL	30.20	-6.93	-0.01	26180

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	47.50	0.42	0.17	3.30MLN
VPI	38.60	2.93	0.09	175500
DBC	23.90	4.37	0.06	158800
VCS	247.80	0.73	0.04	95700
KLF	2.60	8.33	0.04	3.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	21.60	-8.86	-0.51	15.31MLN
SHB	13.20	-0.75	-0.11	14.26MLN
VGC	24.60	-1.60	-0.05	1.26MLN
SHS	23.50	-2.08	-0.05	1.51MLN
DL1	44.00	-1.57	-0.04	300

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

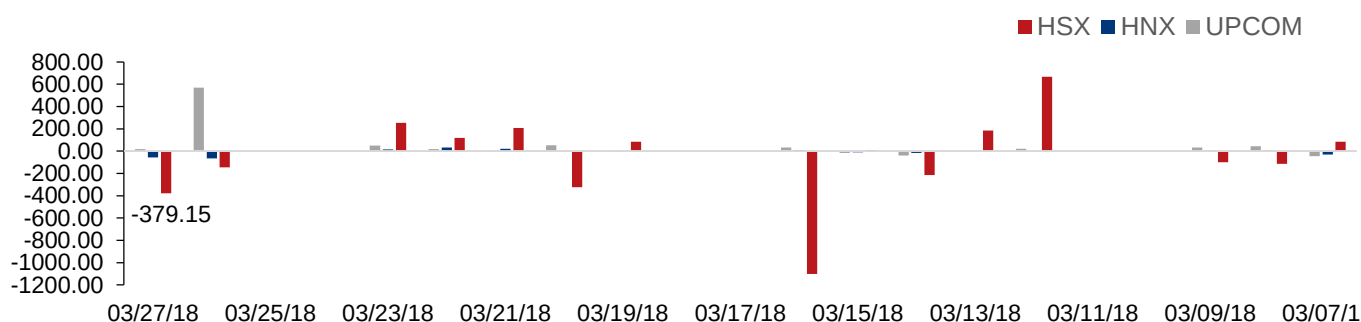
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QNC	3.30	10.00	0.00	1000
TPP	12.10	10.00	0.00	100
SGC	95.50	9.90	0.03	100
TV3	30.50	9.71	0.01	100
LM7	3.40	9.68	0.00	3200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LBE	15.00	-13.79	0.00	1000
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.6	530	27.5	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	31.0	2,762	11.2	1.8	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.0	669	20.9	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	34.1	749	45.5	2.3	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	47.5	1,953	24.3	3.2	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.0	4,735	8.4	1.4	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	27.1	383	70.6	2.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	20.0	1,500	13.3	1.5	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	59.4	5,540	10.7	2.8	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	37.5	2,494	15.0	3.0	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	14.4	2,801	5.1	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	41.8	5,435	7.7	2.3	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	59.5	5,532	10.8	2.8	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	71.0	2,525	28.1	4.7	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	21.6	1,793	12.0	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	35.8	1,955	18.3	2.3	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	158.0	20,436	7.7	1.7	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	6.8	868	7.9	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	135.0	18,611	7.3	2.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	188.5	6,727	28.0	6.9	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

